

PHÁT TRIỂN CÁC KHU KINH TẾ VEN BIÊN – BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG Ở VIỆT NAM

THÂN TRỌNG THỦY*, PHẠM XUÂN HẬU**

TÓM TẮT

Quy hoạch không gian phát triển 15 khu kinh tế ven biển Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt và quyết định thành lập dựa trên những ưu thế về vị trí địa lí, tiềm năng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và địa phương. Các khu kinh tế ven biển đang dần khẳng định vai trò hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương. Trong tương lai, những hạt nhân này sẽ là động lực tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ.

Từ khóa: chiến lược phát triển kinh tế, khu kinh tế ven biển, kinh tế vùng, Việt Nam.

ABSTRACT

Developing Vietnam's coastal economic zones – The “kernel” of local and regional economic development

The planning for development of 15 coastal economic zones (CEZs) in Vietnam has been approved by the Government and decided to be established based on the geographical, potential and strategic advantages for national, regional and local socio-economic developments. The coastal economic zones are gradually showing the “kernel” role in regional and local socio-economic development. In the future, these “kernels” will be the motivation to create the breakthrough in socio-economic development, guaranteeing national defense security and territorial integrity of the country.

Keywords: economic development, coastal economic zones, regional economic, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Quá trình lựa chọn và thiết lập các hình thức tổ chức sản xuất lãnh thổ phù hợp với điều kiện của nền kinh tế toàn cầu và từng quốc gia là một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển. Từ lâu, với những lợi thế so sánh về địa lí, chính trị, kinh tế, mỗi quốc gia đã đa dạng hóa các loại hình khu kinh tế nhằm thu hút đầu tư. Đặc biệt, các khu kinh tế ven biển đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển địa phương, vùng và quốc gia

trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, tạo việc làm cho người lao động; điển hình như đặc khu kinh tế Thẩm Quyển (Trung Quốc), khu Jurong (Singapore), khu Sukuba (Nhật Bản), Kulim (Malaysia)...

Việt Nam là quốc gia có hơn 3000km bờ biển, với vị trí thuận lợi để xây dựng các khu kinh tế hiện đại dựa trên các ưu thế xây dựng cảng nước sâu, sân bay, giao thông đường bộ nối liền các nước trong khu vực (Cambodia, Lào, Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc...); các nguồn lực tự nhiên và nhân văn phong

* ThS, Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, TPHCM

** PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

phủ đảm bảo cho phát triển các khu kinh tế với cơ cấu đa dạng, hiệu quả cao.

Từ hội nghị Trung ương 4 khóa XIII và Đại hội Đảng X đã có quyết định xây dựng các khu kinh tế và khu kinh tế tự do. Đến nay, Chính phủ đã chính thức phê duyệt cho phát triển 15 khu kinh tế ven biển. Các khu kinh tế ven biển đã và đang từng bước được đầu tư phát triển hoàn thiện, nâng cao vị thế trong nền kinh tế quốc gia và có vai trò quan trọng làm hạt nhân phát triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng. Đặc biệt là việc góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng và chủ quyền biển đảo của tổ quốc. Bước đột phá trong vai trò này là khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng). Việc tiếp tục tăng cường đầu tư cho quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ven biển ở nước ta là hướng đi đúng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập.

2. Những tiền đề khách quan cho phát triển

2.1. Từ một số nước trên thế giới

Cách nay vài trăm năm, trên thế giới đã hình thành và phát triển các khu kinh tế mở, hay còn gọi là “khu kinh tế đặc biệt”, “đặc khu kinh tế”. Năm 1970, thế giới có khoảng 80 khu kinh tế ở 30 nước. Hiện nay, có khoảng 3000 khu ở 120 nước. Các khu này đã tham gia thị trường xuất khẩu khoảng 600 tỉ USD và thu hút khoảng 50 triệu lao động.

Các khu kinh tế trên thế giới được thành lập không chỉ ở các nước đang phát triển mà còn ở các nước có nền kinh tế

phát triển cao như Mỹ (có 266 khu kinh tế đặc biệt). Ở một số nước như Anh và các nước cộng đồng chung châu Âu, tuy không có văn bản chính thức về khu kinh tế đặc biệt, nhưng trong thực tế lại tồn tại những vùng có thể chế phát triển như các khu kinh tế đặc biệt, gọi là khu tự do và khu kinh doanh. Những khu này được áp dụng các chính sách ưu đãi về vốn đầu tư, thuế, hải quan; đồng thời cho phép hoạt động riêng với tư cách là “cánh cửa mở” cho phát triển địa phương, mối quan hệ khu vực và thế giới.

Các nước khu vực châu Á có tốc độ phát triển các khu kinh tế đặc biệt (kinh tế mở) khá nhanh, hoạt động hiệu quả, điển hình là: Trung Quốc (195 khu, trong đó Đài Loan có 5 khu); Philippine (100 khu); Thái Lan (30 khu); Indonesia (115 khu); Ấn Độ (13 khu); Việt Nam (15 khu).

Kinh nghiệm thực tiễn về phát triển các khu kinh tế trên thế giới đã khẳng định:

- Các khu kinh tế là công cụ hữu hiệu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế vùng lãnh thổ hướng vào xuất khẩu, là cầu nối gắn kết giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế, khai thác tối đa lợi thế so sánh, tăng cường hiệu quả áp dụng công nghệ mới của mỗi quốc gia.

- Các khu kinh tế mở ra đời là những “hạt nhân” tạo bước nhảy vọt cho việc phát triển nhanh nền kinh tế bởi sức lan tỏa của nó, từ khả năng thu hút vốn đầu tư, lao động, đến nâng cao đời sống người dân địa phương, tạo bước đi nhanh trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Các khu kinh tế có hình thức tổ chức lãnh thổ theo hướng chuyên môn hóa. Việc quy hoạch các khu kinh tế sẽ giúp cho quá trình phát triển đạt được mức cân đối nền kinh tế theo vùng lãnh thổ. Mặt khác, nó khẳng định được lợi thế so sánh “tĩnh” ban đầu với lợi thế về chính sách “động” để tạo nên sự phát triển nhanh của nền kinh tế.

- Khẳng định sự thành công của một khu kinh tế thể hiện ở chỗ: mức thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm cho người lao động, tỉ trọng đóng góp trong tăng trưởng kinh tế, năng lực xuất khẩu, chuyển giao công nghệ mới, làm hạt nhân thúc đẩy địa phương, vùng và “đầu tàu” lôi kéo các vùng lân cận phát triển.

- Sự thành công của các khu kinh tế được thể hiện ở góc độ là đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên tham gia (nhà đầu tư, các doanh nghiệp sản xuất, người lao động, cộng đồng dân cư). Đặc biệt là sự ổn định lợi ích lâu dài của nền kinh tế địa phương, vùng và quốc gia.

Minh chứng cụ thể là sự thành công của đặc khu kinh tế Thẩm Quyển (Trung Quốc). Khu này được xây dựng từ một làng chài nhỏ tiếp giáp thị trấn Thẩm Quyển. Lúc đầu, diện tích khu chỉ khoảng 2 km², sau đó được mở rộng nhanh chóng đến 327,5 km² với sự đầu tư lớn, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đạt trình độ cao. Đây là mô hình phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành nghề, bao gồm cả công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp và khoa học kỹ thuật, kết hợp vừa hướng ngoại vừa phát triển sâu vào nội địa. Hiện nay, Thẩm Quyển trở thành đặc khu kinh tế hiện đại, sản xuất các sản phẩm khoa

học kỹ thuật cao như: vật liệu mới, công nghệ sinh học, thiết bị viễn thông, linh kiện phần mềm; làm hạt nhân liên kết hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thu hút 98 công ty xuyên quốc gia đầu tư vào Thẩm Quyển; là tâm điểm của hoạt động chứng khoán, giúp đưa nền kinh tế Trung Quốc hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, các đặc khu kinh tế khác như: Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn, Hải Nam... (Trung Quốc), các khu kinh tế của Ấn Độ, Malaysia, Singapore, Thái Lan... cũng là những điển hình.

2.2. Những điều kiện và tiêu chí đảm bảo

Điều kiện thành lập các khu kinh tế dựa trên cơ sở mỗi khu phải đảm bảo những điều kiện cơ bản làm tiền đề cho sự phát triển, đó là:

- Các nguồn lực về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và lao động phải đảm bảo cơ bản đầy đủ cho các giai đoạn phát triển. Đặc biệt là khả năng tự hoàn thiện và kết hợp với các vùng lân cận.

- Mỗi khu kinh tế phải có vị trí thuận lợi cho giao thông đi lại, vận chuyển hàng hóa, trong đó yếu tố đầu là cảng biển, sân bay, giao thông đường bộ nội vùng và liên vùng.

- Vị trí gần các trung tâm kinh tế vùng như: vùng kinh tế trọng điểm, trung tâm đô thị, trung tâm công nghiệp... và có điều kiện thuận lợi trao đổi về nhân lực, thương mại, kinh tế, dịch vụ.

- Điều kiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế có đủ khả năng đảm bảo cho hoạt động của các

dự án đầu tư và dẫn dắt cũng như kêu gọi các dự án đầu tư khác vào khu.

Chỉ tiêu cụ thể đối với những điều kiện cơ bản là:

- Cảng biển là đầu mối chuyên chở hàng hóa có quy mô, công suất, trọng tải... phải đúng với vai trò đầu mối vận chuyển của cảng với địa phương, vùng với tình trạng hoạt động ổn định, thường xuyên, an toàn và hiệu quả.

- Cảng hàng không phải thuận lợi về vị trí, khoảng cách, quy mô, mức độ thuận lợi phải cân đối với khu kinh tế, vùng và cả nước.

- Có các dự án động lực cho khu kinh tế và vai trò dự án trong việc tạo động lực phát triển kinh tế địa phương, vùng, khả năng thu hút vốn đầu tư.

- Mức độ thu hút đầu tư, như là: kết quả thu hút đầu tư, triển khai các dự án đầu tư vào khu kinh tế và đóng góp của các dự án vào phát triển kinh tế địa phương.

- Vị trí chiến lược của khu kinh tế với phát triển vùng: mức độ quan trọng của vị trí, vai trò của địa phương trong phát triển các vùng kinh tế trọng điểm hiện tại và tương lai, góp phần phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng địa phương, vùng và cả nước.

2.3. Cơ sở nền tảng của Việt Nam

Việt Nam có diện tích 331.212km², bao gồm khoảng 327.480km² đất liền, 4200km² biển nội thủy, hơn 4000 hòn đảo, bãi đá ngầm lớn nhỏ. Vùng biển của Việt Nam chiếm diện tích khoảng 1.000.000km². Dân số khoảng 90.549.390 người (thời điểm tháng 7 năm 2011). Đường bờ biển Việt Nam dài

3444km từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

Cả nước có 28/64 tỉnh, thành phố có biển; trong đó có 122 đơn vị hành chính cấp thành phố, thị xã, huyện có đường bờ biển.

Với lợi thế so sánh về vị trí địa lý kinh tế, quốc phòng, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, Chính phủ đã quyết định thành lập 15 khu kinh tế ven biển với tổng diện tích 662.249ha, trong đó khoảng 54.300ha (8% tổng diện tích khu kinh tế) cho mục đích sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ; 12.100ha (khoảng 2%) cho khu thuế quan; 71.100ha (11%) đất nông - lâm - ngư nghiệp; 36.800ha (6%) đất dân cư; 25.200ha đất (4%) công trình công cộng, khu hành chính và đất mặt nước; sông ngòi, đồi núi khoảng 318.800ha (48%). Mỗi khu kinh tế ven biển có chức năng và cơ chế khác nhau, nhưng chắc chắn sẽ là hạt nhân trung tâm phát triển vùng, địa phương và là đầu tàu lôi kéo sự phát triển, thiết lập mối liên hệ kinh tế với các vùng lãnh thổ lân cận.

Nguồn vốn đầu tư vào các khu kinh tế ven biển khá lớn, đến nay đã thu hút được khoảng 31 tỉ USD vốn FDI và gần 564.000 tỉ VNĐ vốn đầu tư trong nước vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Các khu kinh tế ven biển đã và đang được đầu tư xây dựng đã đảm bảo được một số nội dung cơ bản là:

- Có không gian kinh tế rộng lớn, mỗi khu đều có điều kiện để phát triển với cơ cấu kinh tế phát triển đa dạng.

- Các chính sách ưu đãi về quản lý, vốn đầu tư, xuất nhập khẩu, hạ tầng kỹ

thuật... đã và đang tạo được sức hút với các nhà đầu tư trong và ngoài nước với những dự án lớn.

- Bước đầu đã hình thành một không gian kinh tế hiệu quả cao, phát huy được vị trí hạt nhân (trung tâm kinh tế) của các vùng; đồng thời đảm bảo tốt việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với việc giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia và tạo được sự gắn bó với các nước trong khu vực và trên thế giới trong quá trình hội nhập.

3. Phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam

Các khu kinh tế ven biển Việt Nam khác nhau về thời gian thành lập và nền tảng ban đầu. Nhưng đến nay, một số khu đã hoạt động hiệu quả, khẳng định vị trí và vai trò làm “hạt nhân động lực” phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền các vùng và cả nước, điển hình như các khu kinh tế sau đây:

*** Khu kinh tế Vân Đồn (Quảng Ninh):**

Được thành lập theo Quyết định số 120/2007/QĐ-TTg ngày 26-7-2007 của Thủ tướng Chính phủ (tọa độ địa lí từ 20⁰40' đến 21⁰16' vĩ độ Bắc, 107⁰15' đến 108⁰ kinh độ Đông), có diện tích đất tự nhiên 55.133ha.

Các nơi hoạt động kinh tế chính là: Trung tâm du lịch chất lượng cao, khu phi thuế quan (khu thương mại tự do), cảng Vạn Hoa và sân bay quốc tế Vân Đồn. Khu sẽ được đầu tư phát triển hoàn thiện, trở thành hạt nhân gắn kết với khu du lịch Hạ Long để làm vai trò trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh; liên kết với Hải Phòng thành khu kinh tế

lớn cả miền Bắc, góp phần quan trọng phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; mở rộng quan hệ kinh tế với Trung Quốc, đảm bảo tốt an ninh, quốc phòng khu vực phía Bắc.

*** Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng):**

Được thành lập tháng 02-2009 theo Quyết định số 145/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Khu có diện tích 210.000ha với vị trí quan trọng là cửa ngõ của các tỉnh phía Bắc; có mối liên kết chặt chẽ với cảng Hải Phòng; sân bay Cát Bi; các đường quốc lộ 5, 10, 18; khai thác tổng hợp các nhân tố tạo hạt nhân vững chắc cho Hải Phòng và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Đặc biệt khu kinh tế này có khả năng mở cảng nước sâu lớn nhất phía Bắc.

Chức năng hoạt động chính là phát triển kinh tế hàng hải mà chủ yếu là dịch vụ cảng biển, tham gia phát triển vững chắc hành lang kinh tế (hành lang kinh tế Hải Phòng - Hà Nội - Côn Minh và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ).

*** Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế):**

Khu có diện tích 271.108ha, được thành lập theo Quyết định số 04/2006/QĐ/TTg ngày 05-01-2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Nằm ở phía Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế với vị trí địa lí và tự nhiên nhiều thuận lợi, khu phân định chức năng với 5 tiểu khu: khu phi thuế quan, khu công nghiệp, khu cảng Chân Mây, khu đô thị và du lịch. Cảng nước sâu Chân Mây là điểm nút trên hành lang kinh tế Đông

Tây, khả năng tiếp cận thị trường Lào, Thái Lan, Myanma dễ dàng thuận lợi. Khu được xác định là hạt nhân phát triển của tỉnh Thừa Thiên - Huế và là một trong những động lực quan trọng cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

*** Khu kinh tế Chu Lai (Quảng Nam):**

Được thành lập theo Quyết định số 108/2003/QĐ/TTg ngày 05-6-2003 của Thủ tướng Chính phủ (tọa độ địa lí: 108⁰ 26' 16" đến 108⁰ 44' 04" kinh độ Đông - 15⁰ 23' 28" đến 15⁰ 38' 43" vĩ độ Bắc). Có diện tích 27.040ha. Chức năng quan trọng của khu là làm đòn bẩy cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Khu bao gồm các tiểu khu thuế quan và phi thuế quan. Tiểu khu thuế quan (hay khu cảng tự do) gắn với cảng Kỳ Hà, với các hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu, thương mại hàng hóa... Khu thuế quan có các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dịch vụ, giải trí. Sân bay quốc tế Chu Lai và cảng nước sâu Kỳ Hà tạo lợi thế lớn với kinh tế vận tải trong nước cũng như quốc tế. Đặc biệt là kết nối với khu kinh tế Dung Quất tạo động lực và nền tảng vững chắc cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Sự ra đời và phát triển của khu kinh tế Chu Lai đã thực sự là nền tảng và là động lực thúc đẩy sự ra đời của hàng loạt khu kinh tế ven biển Việt Nam.

*** Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi):**

Được thành lập theo Quyết định số 50/2005/QĐ/TTg ngày 23-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là khu kinh tế thành lập theo hướng mở, chuyển từ khu công nghiệp thành khu kinh tế.

Khu có diện tích khoảng 10.300ha. Với chức năng của một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, các ngành phát triển của khu bao gồm: công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp luyện cán thép, đóng tàu, sản xuất xi măng, sản xuất lắp ráp ô tô, điện - điện tử; dệt may, da giày; chế biến hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; các dịch vụ công nghiệp; tài chính, ngân hàng; vui chơi giải trí, du lịch...

Khu kinh tế Dung Quất đã và đang khẳng định vai trò lớn của mình: thu hút nhân lực chất lượng cao, phát triển kinh tế tỉnh, cải thiện và nâng cao đời sống người dân Quảng Ngãi từ ngày đầu xây dựng đến nay. Đồng thời góp phần quan trọng vào phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế duyên hải Trung Bộ.

*** Khu kinh tế Nhơn Hội (Bình Định):**

Mục tiêu xây dựng khu trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch và phát triển đô thị gắn chặt với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Ngày 14-6-2005, Chính phủ đã ra Quyết định số 141/2005/QĐ/TTg thành lập khu kinh tế Nhơn Hội.

Khu có tổng diện tích 12.000 ha, có vị trí địa lí đặc biệt thuận lợi, hệ thống đường bộ khá hoàn chỉnh, khả năng đảm bảo vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn qua quốc lộ 19 nối với Tây Nguyên và các nước: Lào, Cam-pu-chia và Thái Lan. Bãi biển dài và đẹp là nơi lí tưởng khai thác phát triển du lịch, các khu vui chơi giải trí chất lượng cao.

*** Khu kinh tế đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới (Kiên Giang):**

Được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ/TTg ngày 14-2-2006 của Thủ tướng Chính phủ. Khu có diện tích 56.100ha, gồm đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới thuộc huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang.

Vai trò chính của khu là trung tâm kinh tế biển tổng hợp mạnh của cả nước và sẽ là đơn vị hành chính trực thuộc trung ương, bao gồm: khu thuế quan, khu chức năng và khu phi thuế quan. Khu chức năng gồm: khu du lịch, dịch vụ, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng. Khu phi thuế quan gắn với cảng An Thới và sân bay Phú Quốc, hoạt động chính là các ngành sản xuất, gia công, lắp ráp hàng xuất khẩu; thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ (kho hàng, ngoại quan, vui chơi, giải trí, tài chính ngân hàng...)

*** Khu kinh tế Năm Căn (Cà Mau):**

Được thành lập theo Quyết định số 66/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đây là khu kinh tế thứ 15 ở ven biển. Khu có diện tích 11.000ha ở thị trấn Năm Căn. Mục tiêu chính của khu là khai thác tối đa lợi thế tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị với cảng biển và sân bay Cà Mau làm đầu mối giao thương, dịch vụ quốc tế. Các ngành chủ chốt được đầu tư phát triển là: cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển, lắp ráp máy điện tử, chế biến thủy sản xuất khẩu, công nghiệp và dịch vụ dầu khí. Khi phát triển hoàn thiện, khu sẽ giữ vai trò hạt nhân kết nối các trung tâm kinh tế lớn khu vực đồng bằng sông Cửu Long để hình thành khu kinh tế tổng hợp ven biển của vùng và cả nước trong các lĩnh vực thương mại, dịch

vụ, công nghiệp, đô thị và du lịch sinh thái.

Ngoài những khu kinh tế ven biển nêu trên, các khu khác trong chiến lược phát triển đã được Chính phủ quyết định thành lập đều được xác định là những hạt nhân trung tâm phát triển cho mỗi vùng trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế ven biển Việt Nam, cụ thể như:

*** Khu kinh tế Nghi Sơn (Tĩnh Gia - Thanh Hóa):**

Được thành lập theo Quyết định số 61102/2006/QĐ-TTg ngày 15-5-2006 của Thủ tướng Chính phủ. Diện tích toàn khu là 1861,8ha, bao gồm 12 xã của huyện Tĩnh Gia. Với vị trí địa lý trên quốc lộ 1A và hệ thống cảng Nghi Sơn, khu kinh tế Nghi Sơn là động lực phát triển đối với Thanh Hóa, khu kém phát triển Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An và các tỉnh phía Bắc.

Đây là khu phát triển kinh tế tổng hợp, nên đặc biệt ưu tiên phát triển các ngành: công nghiệp nặng và công nghiệp hóa dầu. Các phân khu chức năng gồm một khu phi thuế quan và một khu thuế quan. Các chức năng trong khu thuế quan gồm khu cảng biển, khu đô thị nhà ở, khu vui chơi giải trí, trung tâm tài chính, trung tâm dịch vụ. Khu kinh tế Nghi Sơn được coi là cửa ngõ nối với Lào qua đường quốc lộ 7 và tiểu vùng Mekong mở rộng.

*** Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An (Nghệ An):**

Được thành lập theo Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11-6-2007 của Thủ tướng Chính phủ. Khu có diện tích 18.830ha gồm một phần huyện Nghi Lộc,

một phần huyện Diên Châu và một phần thị xã Cửa Lò.

Đây là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa chức năng và sẽ trở thành trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại, cảng biển lớn của vùng Bắc Trung Bộ, trung tâm đô thị lớn của Nghệ An. Chức năng hoạt động gồm các khu vực phi thuế quan gắn với cảng biển Cửa Lò; khu thuế quan gồm các khu công nghiệp, khu cảng và dịch vụ; khu dân cư và khu hành chính.

*** Khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh):**

Được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03-4-2006 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở từ khu công nghiệp Vũng Áng, với diện tích tự nhiên 22.781ha. Mục đích chính là khai thác lợi thế vị trí địa lý tự nhiên của cảng nước sâu Vũng Áng và Sơn Dương (gần quốc lộ 1A, trên quốc lộ 12A nối với Lào và Thái Lan). Các hoạt động kinh tế ưu tiên đầu tư phát triển là: dịch vụ cảng biển, công nghiệp luyện kim gắn với nguồn nguyên liệu (mỏ sắt Thạch Khê, mỏ titan...), các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Vai trò đặc biệt quan trọng của khu là làm hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh, tạo tiền đề bứt phá về kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ, thu ngắn khoảng cách với các vùng phát triển trong nước.

*** Khu kinh tế Hòn La (Quảng Bình):**

Được thành lập theo Quyết định số 79/2008/QĐ-TTg ngày 10-6-2008 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích 10.000ha; trong đó phần diện tích đất liền khoảng 8900ha, phần đảo và biển khoảng

1100ha. Khu được đầu tư phát triển hai khu chức năng: khu phi thuế quan và khu thuế quan. Khu cảng và dịch vụ cảng tương lai sẽ là cảng trung chuyển lớn của khu vực và được xác định là cửa ngõ của miền Trung Lào và tiểu vùng Mekong qua quốc lộ 12. Các ngành chủ yếu là công nghiệp đóng tàu, nhiệt điện.

*** Khu kinh tế Nam Phú Yên (Phú Yên):**

Thành lập theo Quyết định số 1712/QĐ-TTg ngày 23-10-2009 của Thủ tướng Chính phủ. Khu có diện tích 20.730ha. Phân khu chức năng gồm có: khu phi thuế quan (Trung tâm thương mại dịch vụ, khu sản xuất, gia công tái chế, khu trung chuyển hàng hóa, khu vui chơi giải trí) và khu thuế quan (gồm khu cảng Vũng Rô là cảng tổng hợp, cảng Bãi Cốc là cảng chuyên dụng; các ngành hóa dầu, khu công nghệ cao, đóng tàu, sửa chữa tàu biển).

Khi phát triển hoàn thiện, nơi đây sẽ là khu kinh tế tổng hợp có hạ tầng đô thị hiện đại, làm động lực phát triển cho duyên hải Nam Trung Bộ; là cửa ngõ phía Tây của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Cambodia và Thái Lan; là trung tâm giao thương quốc tế lớn; là vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng và an ninh khu vực của cả nước.

*** Khu kinh tế Vân Phong (Khánh Hòa):**

Có diện tích 150.000ha (trong đó phần biển rộng khoảng 80.000ha), được thành lập theo Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg ngày 25-4-2006 của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu là trở thành hạt nhân tăng trưởng kinh tế, trung

tâm đô thị - công nghiệp, dịch vụ, du lịch của khu vực Nam Trung Bộ; là một đầu mối giao thông quốc tế, trung tâm du lịch quan trọng của cả nước.

Phân khu chức năng có khu phi thuế quan và khu thuế quan (gồm khu cảng trung chuyển container quốc tế, khu trung tâm thương mại - tài chính).

*** Khu kinh tế Định An (Trà Vinh):**

Được thành lập theo Quyết định số 339/QĐ/TTG ngày 11-3-2010 của Thủ tướng Chính phủ. Khu có tổng diện tích tự nhiên là 39.020ha (thực hiện giai đoạn 1 đến 2020 là 15.403ha). Với lợi thế lớn về biển, nằm trên đầu mối giao thông liên vùng (quốc lộ 53, 54,...), khu được đầu tư phát triển thành khu kinh tế động lực với các chức năng: khu thuế quan, khu công nghiệp, khu du lịch và dịch vụ, khu đô thị hiện đại và khu hành chính. Các ngành sản xuất chủ yếu là: sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp tàu thủy, luyện cán thép, hóa dầu, chế biến lương thực, thực phẩm... Khi phát triển hoàn thiện, khu sẽ là hạt nhân phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long, kết nối các vùng trong nước và các nước trong khu vực.

3. Một số giải pháp phát triển

Để các khu kinh tế ven biển phát triển hoàn thiện, đúng với vai trò hạt nhân, trung tâm phát triển kinh tế địa phương, vùng trong thời kỳ kinh tế hội nhập hiện nay, cần có những giải pháp cơ bản hợp lý.

3.1. Về cơ chế, chính sách

Xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý chung và cho mỗi khu kinh tế những chính sách đặc thù, để các

khu phát triển theo đúng định hướng chiến lược phù hợp với đặc điểm, lợi thế của từng khu, từng địa phương nhằm chủ động khai thác triệt để những lợi thế đó.

Điều chỉnh mô hình hoạt động, quy mô diện tích, các ưu tiên đầu tư phù hợp với từng khu, nhằm phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội của khu.

Hoàn thiện các văn bản pháp luật về đầu tư, thành lập và phát triển khu kinh tế cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sự thống nhất trong cơ chế phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước về khu kinh tế (hành chính, kinh tế, an ninh, quốc phòng...)

Xây dựng hoàn thiện luật và các chính sách áp dụng riêng cho các khu kinh tế nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, giải quyết triệt để sự chông chéo, thiếu đồng bộ giữa pháp luật và các văn bản dưới luật để giúp các khu kinh tế phát huy được vai trò “hạt nhân đột phá” trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu tư đặc biệt cho việc phát triển khu kinh tế gắn với vấn đề bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia và vùng.

3.2. Về khai thác, sử dụng nguồn lực

Cần có cơ chế, chính sách riêng về huy động nguồn vốn đầu tư, sự tham gia của các thành phần kinh tế vào xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh dưới tất cả các hình thức đầu tư.

Phát triển các khu kinh tế cần tiến tới giảm dần nguồn cung cấp tài chính của Nhà nước, tăng nhanh tỉ trọng vốn đầu tư khu vực tư nhân trong và ngoài nước.

Lựa chọn đúng, chính xác các nhóm ưu tiên đầu tư dựa trên thực tế tiềm năng tổng hợp, phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường mở rộng xuất nhập khẩu.

Tập trung đầu tư khai thác các lợi thế có trọng điểm dựa trên lợi thế so sánh của từng khu, tạo sự liên kết giữa các khu, các vùng, tạo hệ thống lãnh thổ kinh tế ven biển hiện đại.

4. Kết luận

Phát triển các khu kinh tế nói chung và các khu kinh tế ven biển nói riêng, có chức năng làm nền tảng, động lực phát triển kinh tế địa phương, vùng, quốc gia... đã xuất hiện sớm ở nhiều nước trên thế giới. Loại hình này đã thực sự đem lại nhiều lợi ích về kinh tế - xã hội cho cả những nước phát triển và nước đang phát triển.

Việt Nam có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, chính sách phát triển cùng với những bài học kinh nghiệm từ các nước lân cận; trên cơ sở đó, Chính phủ đã quyết định thành lập 15 khu kinh tế ven biển. Trong thời gian qua, các khu kinh tế ven biển Việt Nam đã dần khẳng định vai trò hạt nhân, tạo sự đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng, điển hình là khu kinh tế Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng), Vân Đồn (Quảng Ninh)... Trong tương lai, hệ thống các khu kinh tế ven biển Việt Nam với công nghệ hiện đại sẽ phát triển với tốc độ nhanh, tạo thành vành đai vững chắc về kinh tế - xã hội dải ven biển, đảm bảo an ninh, quốc phòng, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diễn đàn kinh tế biển Việt Nam (2012), “Tổ chức không gian phát triển kinh tế biển: kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Bảo vệ tài nguyên và môi trường - Tổng cục Biển và Đảo Việt Nam*.
2. Nguyễn Đình Dĩ và nhiều tác giả (1995), *Các kiểu bờ biển Việt Nam*, Hà Nội.
3. Phạm Xuân Hậu (2011), “Vấn đề phát triển kinh tế biển - đảo - ven biển Việt Nam thời kì kinh tế thị trường và hội nhập”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, (7).
4. Nguyễn Quang Thái (2010), *Vấn đề phát triển các khu kinh tế mở hiện đại vùng ven biển Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2012; ngày phản biện đánh giá: 10-10-2012; ngày chấp nhận đăng: 21-11-2012)